

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/DS-PT

Ngày 28-8-2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu di dời tài sản trên đất và buộc
chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật
việc thực hiện quyền đối với tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí.

Ông Cao Đức Chiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Như Luật - Thư ký viên Tòa án nhân dân,
tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Bà
Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/TLPT-DS, ngày 13-6-2025 về
việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và buộc chấm
dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền đối với tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 05-5-2025 của Tòa án
nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng,
tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐ-PT, ngày 12 tháng 8
năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Lương Thị S, sinh năm 1972. Căn cước công dân số 020172001502
do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 25-4-
2021; có mặt.

2. Ông Nông Văn V, sinh năm 1973. Căn cước công dân số 020073001407
do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 25-
4-2021; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn K, xã B, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thôn K, xã B, huyện
C, tỉnh Lạng Sơn).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị Hương L, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Triệu Văn V, sinh năm 1974. Căn cước công dân số 020074001469 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 25-4-2021. Cư trú tại: Thôn K, xã B, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thanh H, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nông Thị L, sinh năm 1997. Căn cước công dân số 020197004163 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 04-3-2022; vắng mặt.

2. Anh Nông Văn P, sinh năm 2000. Căn cước công dân số 020200005240 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 12-9-2022; vắng mặt.

3. Anh Triệu Văn N, sinh năm 1998. Căn cước công dân số 020098004302 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 15-4-2024; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn K, xã B, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn).

Người kháng cáo: Ông Triệu Văn V là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nông Văn V có vợ là bà Lương Thị S. Họ có 02 người con là anh Nông Văn P và chị Nông Thị L.

Ông Triệu Văn V có vợ là bà Lương Thị N (sinh năm 1975, chết ngày 03-3-2020). Họ có 02 người con là anh Triệu Văn N và chị Triệu Thị T.

Theo Sổ lâm bạ và Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1997-1998 xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Lô số 99 diện tích 0,4ha (viết tắt là lô 99) đất trống có cây gỗ tái sinh, phòng hộ, đứng tên chủ hộ Nông Văn Đ. Lô số 100 không có ghi diện tích (viết tắt là lô 100), không có tên người sử dụng. Lô số 102 diện tích 1,0ha đất trống (viết tắt là lô 102), đất rừng sản xuất, đất có cây vầu, đứng tên chủ hộ Nông Văn H. Lô số 109 diện tích 1,3ha (viết tắt là lô 109) đất rừng sản xuất, đất có cây vầu đứng tên chủ hộ Nông Văn P.

Ngày 22-02-2001, hộ ông Triệu Văn V được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND huyện) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết

tất là GCN) đối với thửa đất số 102b diện tích 7.000m² (viết tắt là thửa đất số 102b).

Theo Sổ mục kê đất và Bản đồ địa chính xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 2004-2005 thể hiện: Thửa đất số 150 diện tích 8.575,0m² RTnS, tờ bản đồ số 26 (viết tắt là thửa đất số 150) mang tên ông Triệu Văn V. Thửa đất số 151 diện tích 11.968,0m² RTnS, tờ bản đồ số 26 (viết tắt là thửa đất số 151) mang tên ông Nông Văn V. Hai thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào.

Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2008 thể hiện: Thửa đất số 209 diện tích 8.575,0m² RST tờ bản đồ số 01 (viết tắt là thửa đất số 209) mang tên ông Triệu Văn V. Ngày 13-5-2011, UBND huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số BG 514089 cho hộ ông Triệu Văn V và bà Lương Thị N. Thửa đất số 211 diện tích 16.495,0m² RSN tờ bản đồ số 01 (viết tắt là thửa đất số 211) mang tên ông Nông Văn V. Ngày 13-5-2011, UBND huyện đã cấp GCNQSDĐ số BG 514027 cho hộ ông Nông Văn V và bà Lương Thị S.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 25-12-2024 và ngày 17-01-2025 thể hiện: Đất tranh chấp có tổng diện tích 6.980,0m² thuộc một phần thửa đất 211 được chia làm 02 khu: Khu 1 có diện tích 1.072,0m², trên đất có 02 cây hồi có đường kính từ dưới 02cm do bị đốn trồng năm 2024; có 04 cây hồi có đường kính từ 5cm-10cm; 11 cây hồi có đường kính từ 10cm-15cm; 07 cây hồi có đường kính từ 15cm-20cm; có 05 cây hồi có đường kính từ 20cm-25cm đều do bị đốn trồng trước năm 2000. Khu 2 có diện tích 5.908,0m², trên đất có 06 cây hồi có đường kính từ dưới 02cm do bị đốn trồng năm 2024. Đất tranh chấp có giá 5.000đồng/m². Tổng giá trị cây hồi trên đất là 38.773.000đồng.

Tại cấp sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lương Thị S, ông Nông Văn V yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích hơn 5.000m² thuộc một phần thửa đất 211; yêu cầu bị đơn phải di dời khoảng 200 cây hồi ra khỏi đất và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền đối với tài sản.

Đất tranh chấp thuộc một phần diện tích đất do bà Nông Thị M là bà nội của ông Nông Văn V để lại cho bố mẹ ông Nông Văn V là ông Nông Văn Đ1 và bà Ma Thị P (không có văn bản, giấy tờ). Sau đó năm 1991, bố mẹ ông Nông Văn V cũng nói miệng để lại khu đất đó (trong đó có phần đất đang có tranh chấp) cho ông Nông Văn V. Trước đây phần đất này cũng giống như phần đất khác ông cha để lại chưa có GCN. Gia đình nguyên đơn đã quản lý, sử dụng phần đất của mình theo đường mòn do gia đình tự làm và quản lý, sử dụng cây vầu mọc tự nhiên trên đất mà không có tranh chấp với ai. Năm 2011, vợ chồng nguyên đơn đã được cấp GCNQSDĐ đối với toàn bộ phần đất đang sử dụng đó là thửa đất số 211 cũng không có tranh chấp. Đến tháng 10-2023, gia đình nguyên đơn có nhờ người đến phát rừng chuẩn bị trồng cây hồi con thì phát sinh tranh chấp với bị đơn. Chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không thành,

bị đơn đã không giữ nguyên hiện trạng khu đất tranh chấp mà tiếp tục đem cây hồi về trồng trên đất.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn xác định đất tranh chấp có diện tích 6.980,0m² thuộc một phần thửa đất 211, trên đất có các cây hồi không phải do nguyên đơn trồng. Sau đó, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với đất tại Khu 1 có diện tích 1.072,0m² và tài sản gắn liền với đất. Diện tích đất nguyên đơn yêu cầu giải quyết tại Khu 2 có diện tích 5.908,0m², trên đất có 06 cây hồi do bị đơn trồng. Nguyên đơn sẽ sở hữu các cây hồi và thanh toán giá trị cây là 690.000đồng cho bị đơn. Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng ngày 17-01-2025 là 4.658.000đồng. Đối với chi phí tạm ứng tố tụng còn lại 21.600.000đồng nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thuộc đối tượng và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Triệu Văn V trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp thuộc một phần diện tích đất từ năm 1997 bị đơn và vợ là bà Lương Thị N (hiện đã chết) được chính quyền giao đất để trồng rừng vì thời điểm đó tất cả các hộ trong thôn đều được chia để canh tác (không rõ diện tích cụ thể nhưng áng chừng khoảng 7.000,0m²). Khi giao, nhận đất thì vợ chồng bị đơn có đào hào để làm ranh giới ngăn cách giữa các chủ hộ đất liền kề (hiện nay không còn), hiện trạng khi nhận đất chỉ có có cây tự nhiên.

Từ năm 1997 đến năm 2000, bị đơn phát cây, dọn cỏ, đến năm 2001, gia đình bị đơn trồng khoảng 200 cây hồi, nhưng bị chết nhiều, trong đó một số cây được trồng tại vị trí diện tích đất tranh chấp. Từ năm 2001 đến năm 2011, gia đình bị đơn thường xuyên lên để phát dọn cỏ, chăm sóc cây hồi và năm 2012 đến nay, gia đình đã thu hoạch hồi được nhiều lần và quá trình sử dụng đất không phát sinh tranh chấp với ai. Năm 2023 do gia đình neo người, bị đơn đã thuê người trồng 1.000 cây hồi trên đất nên đã xảy ra tranh chấp. Qua tranh chấp bị đơn mới biết thửa đất số 211 đã được cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng nguyên đơn. Vợ chồng bị đơn được cấp GCNQSDĐ thửa đất liền kề đó là thửa đất số 209 có tổng diện tích 8.575,0m². Khi cấp GCNQSDĐ hai bên không có xảy ra tranh chấp nhưng thực tế việc sử dụng đất của hai bên không đúng theo hiện trạng trước đó. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện tại Khu 2 và tài sản trên đất bị đơn không chấp nhận. Việc Tòa án trả lại đơn yêu cầu phản tố thì bị đơn cũng không có ý kiến gì. Nếu yêu cầu khởi kiện được chấp nhận thì nguyên đơn phải thanh toán giá trị 06 cây hồi trị giá 690.000đồng cho bị đơn. Việc nguyên đơn tự nguyện chịu 4.658.000đồng chi phí tố tụng bị đơn cũng nhất trí, đối với số tiền chi phí tố tụng còn lại mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng, bị đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị đơn thuộc đối tượng và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị L, anh Nông Văn P trình bày: Anh, chị là con của ông Nông Văn V và bà Lương Thị S, họ đều nhất trí với ý kiến của nguyên đơn và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn N trình bày: Anh là con của ông Triệu Văn V và bà Lương Thị N, anh nhất trí với ý kiến của bị đơn và không có ý kiến gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 05-5-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

1. Về quyền sử dụng đất:

1.1 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 1.072,0m² thuộc một phần thửa đất 211 và toàn bộ tài sản là cây hồi trên đất (tổng là 28 cây hồi). Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với diện tích đất tranh chấp nói trên theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hộ gia đình bà Lương Thị S, ông Nông Văn V tiếp tục được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 5.908,0m², thuộc một phần thửa đất số 211. Cụ thể độ dài, kích thước các cạnh và ranh giới tiếp giáp được thể hiện trên hình vẽ nêu các điểm trong mảnh trích đo kèm theo bản án.

2. Về tài sản trên đất: Hộ gia đình ông Nông Văn V, bà Lương Thị S được quyền quản lý, sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất nêu tại mục 1.2 gồm 06 cây hồi con và có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Triệu Văn V với tổng số tiền là 690.000đồng.

3. Buộc ông Triệu Văn V, anh Triệu Văn N chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Nông Văn V, bà Lương Thị S đối với diện tích đất nêu tại mục 1.2 phần quyết định của Bản án.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng là 7.975.000đồng, xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ. Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng là 18.283.000đồng. Buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 18.283.000đồng tiền chi phí tố tụng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Triệu Văn V kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 05-5-2025 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đối với diện tích 5.908,0m² thuộc một phần thửa đất số 211; yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận diện tích 5.908,0m² cho gia đình ông quản lý sử dụng.

Tại cấp phúc thẩm: Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lạng Sơn có Văn bản số 86/CV-TA ngày 18-7-2025 về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo Quyết định số 23 ngày 15-7-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm lý số 29/2024/TLST-DS về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp giữa nguyên

đơn bà Lương Thị S, ông Nông Văn V và bị đơn ông Hoàng Văn L, bà Triệu Thị K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể: Bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 5.908,0m² thuộc một phần thửa đất số 211.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Bà Lương Thị Hương L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đã đưa ra nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bà Nguyễn Thanh H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Căn cứ vào nguồn gốc đất, vào quá trình sử dụng đất, vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài liệu chứng cứ khác thấy rằng kháng cáo của bị đơn là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Căn cứ lời khai của các đương sự; căn cứ vào nguồn gốc đất, vào quá trình sử dụng đất, vào hồ sơ cấp GCNQSDĐ và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 05-5-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Miễn án phí phúc thẩm cho người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập họp lệ lần thứ nhất, có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ

vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất nguyên đơn khởi kiện có tổng diện tích là $6.980,0m^2$ thuộc một phần thửa đất số 211 được chia làm 02 khu. Khu 1 có diện tích $1.072,0m^2$, trên đất có 02 cây hồi có đường kính từ dưới 02cm do bị đơn trồng năm 2024; có 04 cây hồi có đường kính từ 5cm-10cm; 11 cây hồi có đường kính từ 10cm-15cm; 07 cây hồi có đường kính từ 15cm-20cm; có 05 cây hồi có đường kính từ 20cm-25cm đều do bị đơn trồng trước năm 2000. Khu 2 có diện tích $5.908,0m^2$, trên đất có 06 cây hồi có đường kính từ dưới 02cm do bị đơn trồng năm 2024.

[3] Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích tại Khu 1 là $1.072,0m^2$ và tài sản trên phần đất trên. Cấp sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết đối với phần yêu cầu đã rút là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và đương sự không có kháng cáo nội dung này, Viện kiểm sát không kháng nghị về vấn đề này. Đất tranh chấp cấp sơ thẩm giải quyết tại Khu 2 có diện tích $5.908,0m^2$, trên đất có 06 cây hồi có đường kính từ dưới 02cm do bị đơn trồng năm 2024.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn V yêu cầu sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích $5.908,0m^2$ thuộc một phần thửa đất số 211, thấy rằng:

[5] Về nguồn gốc đất đang tranh chấp trước năm 2003: Cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng mình là người quản lý, sử dụng đất tranh chấp nhưng không bên nào cung cấp được giấy tờ hợp pháp để chứng minh cho việc quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp.

[6] Qua số hóa, chồng ghép bản đồ xác định: Thửa đất số 211 có tổng diện tích $16.495,0m^2$ theo Sổ lâm bạ và Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 1997-1998 bao gồm một phần lô số 99, 100, 102, 109 và lô không có số, trong đó lô số 99 đứng tên chủ hộ Nông Văn Đ, lô số 100 không có tên người sử dụng, lô số 102 đứng tên chủ hộ Nông Văn H, lô số 109 đứng tên chủ hộ Nông Văn P. Tổng diện tích đất đo đạc khi xem xét, thẩm định tại chỗ là $6.980,0m^2$ thuộc một phần lô số 100, 102 và không có số lô cụ thể: Có $712,0m^2$ thuộc lô số 100; có $62,0m^2$ thuộc lô số 102; có $6.197,0m^2$ không nằm trong lô đất rừng nào. Diện tích đất nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết (sau khi rút yêu cầu) có diện tích $5.908,0m^2$ thuộc một phần nhỏ trong lô số 100, còn lại không nằm trong lô đất rừng nào. Như vậy, phần diện tích đất tranh chấp không có tên gia đình nguyên đơn hoặc gia đình bị đơn tại Sổ lâm bạ và Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

[7] Qua số hóa, chồng ghép bản đồ xác định: Thửa đất số 211 có tổng diện tích $16.495,0m^2$ theo Sổ mục kê đất và Bản đồ địa chính xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 2004-2005 bao gồm một phần thửa đất số 150, 151, 190 từ bản đồ số 26 cụ thể: Thửa đất số 150 diện tích $8.575,0m^2$ RTnS mang tên ông bị đơn Triệu Văn V. Thửa đất số 151 diện tích $11.968,0m^2$ RTnS mang tên nguyên đơn ông Nông Văn V. Tổng diện tích đất đo đạc khi xem xét, thẩm định tại chỗ là

6.980,0m² thuộc thửa đất số 151 mang tên nguyên đơn. Diện tích đất nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết (sau khi rút yêu cầu) có diện tích 5.908,0m² thuộc thửa đất số 151 mang tên nguyên đơn. Như vậy, phần diện tích đất tranh chấp đứng tên gia đình nguyên đơn tại Sổ mục kê đất và Bản đồ địa chính xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 2008 thể hiện: Thửa đất số 209 diện tích 8.575,0m² RSN ngày 13-5-2011 đã được UBND huyện đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Triệu Văn V và bà Lương Thị N. Thửa đất số 211 diện tích 16.495,0m² RSN ngày 13-5-2011, đã được UBND huyện đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nông Văn V và bà Lương Thị S (cấp đổi từ thửa đất số 102b diện tích 7.000,0m² Cốc Tàn theo GCN ngày 22-02-2001 do UBND huyện cấp cho hộ ông Triệu Văn V). Qua đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ xác định: Tổng diện tích đất đo đạc khi xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.980,0m² thuộc thửa đất số 211, không hề thuộc thửa đất số 209.

[9] Cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng họ quản lý, sử dụng 5.908,0m² đất tranh chấp và tài sản trên đất có sẵn để khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh tự nhiên mà không có tranh chấp với ai. Việc tranh chấp diễn ra vào tháng 10-2023 khi gia đình nguyên đơn vào phát quang đất để trồng cây hồi con. Mặc dù đang có tranh chấp và chính quyền địa phương đã yêu cầu nhưng đầu năm 2024 bị đơn vẫn thuê người đến trồng cây hồi trên cả phần đất đang có tranh chấp và phần đất đang quản lý, sử dụng không có tranh chấp. Hiện tài sản trên đất tranh chấp chỉ có 06 cây hồi đường kính gốc dưới 02cm được bị đơn trồng năm 2024.

[10] Qua hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 209 và 211 của gia đình nguyên đơn, bị đơn thấy: Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đầy đủ giấy tờ theo quy định. Nguyên đơn và bị đơn không có ý kiến về hồ sơ cấp giấy, không đề nghị giám định chữ ký các hộ giáp ranh. Trong quá trình kê khai, cấp GCNQSDĐ thửa đất số 209 và 211 không xảy ra tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn hoặc với người xung quanh. Sau khi được cấp GCNQSDĐ thửa đất số 211, đến tháng 10-2023 thì nguyên đơn phát sinh tranh chấp với diện tích 5.908,0m² với bị đơn; đến tháng 01-2024 thì nguyên đơn phát sinh tranh chấp với diện tích khoảng 1.080,0m² đất với vợ chồng ông Hoàng Văn L, bà Triệu Thị K. Nguyên đơn cũng đã khởi kiện vợ chồng ông Hoàng Văn L. Vụ việc trên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn trước đây là Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã thụ lý vụ án. Tuy nhiên, sau đó nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện việc tranh chấp này với ông Hoàng Văn L và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án này trước khi xét xử sơ thẩm vụ án giữa nguyên đơn và bị đơn.

[11] Như vậy, căn cứ vào nguồn gốc đất, vào quá trình sử dụng đất, tạo lập cây trồng trên đất, căn cứ vào bản đồ qua các thời kỳ và hồ sơ cấp GCNQSDĐ, xác định đất tranh chấp 5.908,0m² đã được cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn, bị đơn không được cấp GCNQSDĐ với phần đất này; 06 cây hồi có cây trên đất tuy do bị đơn trồng nhưng trồng vào năm 2024 sau khi đã xảy ra

tranh chấp, để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên, nguyên đơn nhất trí sở hữu và trả lại giá trị tài sản là 690.000đồng cho bị đơn là phù hợp. Từ những phân tích, đánh giá trên thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[12] Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 17-01-2025 là 4.658.000đồng, bị đơn không phản đối về vấn đề này. Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với phần đất và tài sản trên đất nên nguyên đơn phải tự chịu chi phí tố tụng với phần đã rút là 3.317.000đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận đối với diện tích đất tranh chấp 5.908,0m² và tài sản trên đất nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng này là 18.283.000đồng như cấp sơ thẩm nhận định và quyết định là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[13] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản 06 cây hồi phải trả cho bị đơn. Tuy nhiên, do nguyên đơn, bị đơn thuộc đối tượng và có đơn đề nghị nên cấp sơ thẩm miễn án phí sơ thẩm cho nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[14] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm nhưng người kháng cáo thuộc đối tượng và có đơn đề nghị nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[15] Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, của những người bảo vệ quyền và lợi ích của các đương sự, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[16] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn V; giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 05-5-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đối với nội dung có kháng cáo.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Triệu Văn V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về các vấn đề khác

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án../.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 4 - Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGGT khác;
-;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa